**MỤC LỤC**

[**1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN. 1**](#_Toc165808219)

[1.1. Thông tin chung về Dự án. 1](#_Toc165808220)

[1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư 2](#_Toc165808221)

[1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch Tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2](#_Toc165808222)

[**2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.** 4](#_Toc165808223)

[2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM: 4](#_Toc165808224)

[2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án 13](#_Toc165808225)

[2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường 13](#_Toc165808226)

[**3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM** 13](#_Toc165808227)

[3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM 13](#_Toc165808228)

[**4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG** 14](#_Toc165808229)

[**5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM** 15](#_Toc165808230)

[5.1. Thông tin về dự án: 15](#_Toc165808231)

[5.1.1. Thông tin chung 15](#_Toc165808232)

[5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất 15](#_Toc165808233)

[5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 17](#_Toc165808235)

[5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường. 26](#_Toc165808236)

[5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án. 27](#_Toc165808238)

[5.3.1.Giai đoạn thi công xây dựng Dự án 27](#_Toc165808239)

[5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án 28](#_Toc165808240)

[5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án giai đoạn thi công: 30](#_Toc165808241)

[5.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải 30](#_Toc165808242)

[5.4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH 31](#_Toc165808243)

[5.4.3. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải 32](#_Toc165808244)

[5.4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 33](#_Toc165808245)

[5.5. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án giai đoạn vận hành. 34](#_Toc165808246)

[5.5.1. Các công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải 34](#_Toc165808247)

[5.5.2. Các công trình, biện pháp thu gom xử lý khí thải 35](#_Toc165808248)

[5.5.3. Các công trình, biện pháp thu gom xử lý chất thải rắn, CTNH 35](#_Toc165808249)

[5.5.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác. 36](#_Toc165808250)

[5.6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: 39](#_Toc165808251)

[**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT** 41](#_Toc165808252)

[1. Kết luận. 41](#_Toc165808253)

[2. Kiến nghị. 41](#_Toc165808254)

[3. Cam kết của chủ dự án đầu tư 42](#_Toc165808255)

**DANH MỤC BẢNG**

[Bảng 1: Hiện Trạng sử dụng đấ khu vực dự án. 16](#_Toc165819587)

[Bảng 2. Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch. 17](#_Toc165819588)

[Bảng 3: Bảng thống kê chia lô ở quy hoạch và đất trồng cây xanh dự án. 18](#_Toc165819589)

[Bảng 4: Bảng dự báo các chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật chính của dự án. 20](#_Toc165819590)

[Bảng 5: Bảng thống kê hệ thống giao thông. 22](#_Toc165819591)

[Bảng 6: Bảng thống kê hệ thống thoát nước mưa của dựa án. 22](#_Toc165819592)

[Bảng 7: Bảng phụ tải điện của dự án. 23](#_Toc165819593)

[Bảng 8: Hoạt động của dự án và các tác động tiêu cực đến môi trường. 26](#_Toc165819594)

# 1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.

# 1.1. Thông tin chung về Dự án.

Xã Trực Tuấn nằm cách trung tâm huyện Trực Ninh khoảng 8,0 km, có tổng diện tích theo địa giới hành chính của xã là 574,91 ha, dân số khoảng 6 nghìn người.

Mật độ dân cư ngày càng tăng cao, diện tích đất ở hạn hẹp là nguyên nhân dẫn đến nhu cầu bức thiết về việc phát triển đất ở, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội của huyện Trực Ninh nói chung và xã Trực Tuấn nói riêng, chất lượng đời sống ngày càng được nâng cao, môi trường, tiện ích cuộc sống cũng được quan tâm hơn. Trong khi đó, trên địa bàn xã hiện chưa có khu dân cư tập trung được đầu tư hạ tầng cơ sở đồng bộ, đáp ứng được nhu cầu sử dụng, cũng như tiện ích cuộc sống ngày càng cao của người dân trên địa bàn xã.

Mặt khác, dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định – Lạc Quần – Đường bộ ven biển đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt dự án. Đây là dự án có ý nghĩa quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thu hút đầu tư, phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, dịch vụ các huyện phía Nam của tỉnh Nam Định. Xã Trực Tuấn là một trong những địa phương có tuyến đường đường bộ mới Nam Định – Lạc Quần – Đường bộ ven biển chạy qua, quỹ đất cần giải phóng mặt bằng thực hiện dự án bao gồm có đất ở dân cư hiện có. Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án trên, giải phóng mặt bằng thuận lợi thì việc đưa ra phương án tái định cư cho nhân dân địa phương là cấp bách, cần phải thực hiện sớm.

Bên cạnh đó, rất nhiều hộ gia đình, các cá nhân có nhu cầu sử dụng đất làm nhà ở theo hướng văn minh, hiện đại, vệ sinh môi trường. Tuy nhiên quỹ đất phát triển nhà ở gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ chưa đảm bảo được nhu cầu sử dụng.

Để giải quyết những vấn đề trên thì việc đầu tư xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh là hết sức cần thiết. Công trình hoàn thành sẽ đảm bảo phát triển về nhà ở với kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng văn minh, hiện đại.

Chính vì vậy thì việc đầu tư Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh là hết sức cần thiết. Công trình sẽ hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt, tạo quỹ đất ở để bố trí sắp xếp dân cư, tái định cư và xây dựng nhà ở theo hướng văn minh, hiện đại.

Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 29/08/2023 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh” với diện tích khoảng 3,1 ha. Mục tiêu đầu tư là hình thành khu tái định cư và khu dân cư tập trung phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, góp phần điều chỉnh dân cư, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân và nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh. Dự án đã được UBND huyện Trực Ninh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn tại quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 08/04/2024. Quy mô đầu tư của dự án bao gồm các hạng mục sau: San nền, hệ thống giao thông, vỉa hè, đan rãnh, tường chắn, khuôn viên cây xanh, hệ thống đảm bảo giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống điện, cơ sở hạ tầng...được thiết kế đồng bộ.

Dự án có diện tích 30.951,1 m2 trong đó có 23.201,85 m2 diện tích là đất trồng lúa nước 2 vụ chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về đất đai. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30; điểm đ khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và mục số 6 cột 3 phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường thì Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định.

# 1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

# 1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch Tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

- Nghị quyêt số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục dự án chuyển đổi danh mục sử dụng đất dưới 10 ha trồng lúa sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 27/07/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm giai đoan 2021-2025 và kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 2831/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trực Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 2441/QĐ-UBND, ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 982/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nam Định ngày 17/05/2023 về việc phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 18/NĐ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục thu hồi đất năm 2023;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh Nam Định về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 9/3/2023 của UBND huyện Trực Ninh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh đến năm 2030;

- Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện Trực Ninh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh;

- Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 29/8/2023 của HĐND tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh;

- Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 08/04/2024 của UBND huyện Trực Ninh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh;

Như vậy, dự án được thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Nam Định cũng như của huyện Trực Ninh.

# 2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

# 2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM:

***\* Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

***\* Về lĩnh vực tài nguyên nước.***

- Luật tài nguyên nước 2012;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2020;

- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định về việc phê duyệt “Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ”.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực đất đai.***

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về Đất đai;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định 06/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai.

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Thông tư 10/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật liệu kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 46/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định về Ban hành quy định bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 1970/2020/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tình Nam Định về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Văn bản số 254/UBND-VP5 ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng, kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực xây dựng.***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13;

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/09/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 01/2016/BXD ngày 26/10/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/08/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Quy chuẩn 07-2016/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng***.***

***\* Về lĩnh vực phòng cháy chữa cháy***

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9, có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Nghị định 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- TCVN 2622:1995 – Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 3890:2009 – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- TCVN 13606:2023/BXD về Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

***\* Về lĩnh vực điện:***

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 3/12/2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP;

- Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai.***

- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

- Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

- Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thôn và hạ tầng kỹ thuật khác;

- Nghị Quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền phê duyêt đề án cho thuê quyền khai thác và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Nam Định và các quy đinh pháp lý liên quan.

\* ***Căn cứ pháp lý về lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động***

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc;

- Thông tư 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư 10/2017/TT-BCT ngày 26/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục các loại máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

***\* Các quy chuẩn áp dụng trong báo cáo.***

*- Tiêu chuẩn thiết kế:*

+ TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5574-1991: Kết cấu bê tông cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5573-1991: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5575-1991: Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

+ TCXDVN 33:2006: Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCXDVN104:2007- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 7957-2008: Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài;

+ TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

+ TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCCS38: 2022/TCĐBVN - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

+ TCCS 41/2022 Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;

+ TCXDVN 7957:2023 Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình.

+ TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động.

+ QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

+ QCVN 07: 2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật;

+ QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

+ QCVN01:2021 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng;

*- Quy chuẩn về môi trường:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

# 2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10ha trồng lúa sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 29/08/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh;

- Thông báo số 57/TB-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Xây dựng Khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh;

- Quyết định số 1296 /QĐ-UBND ngày 08/04/2024 của UBND huyện Trực Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng Khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh.

# 2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án: “Xây dựng Khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh".

- Thuyết minh tổng hợp “Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh”

- Các giấy tờ pháp lý liên quan đến dự án: “Xây dựng Khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh”.

# 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM

# 3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM

- Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là việc phân tích, đánh giá, dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (khoản 7 điều 3 của Luật BVMT).

**- Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:**

+ Nghiên cứu dự án: Nghiên cứu dự án khả thi, thuyết minh quy hoạch chi tiết do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát sơ bộ về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Giúp chủ dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

**- Nội dung và cấu trúc:**

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

# 4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

*- Các phương pháp ĐTM:*

Báo cáo đánh giá tác động môi trường được nghiên cứu, xây dựng dựa trên các cơ sở dữ liệu tin cậy, chi tiết và sử dụng các phương pháp khoa học, phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

- Phương pháp sử dụng bản đồ (Áp dụng tại chương I của báo cáo): Sử dụng các bản đồ để xác định khu vực thực hiện dự án, các đối tượng xung quanh.

- Phương pháp nhận dạng (Áp dụng tại chương II của báo cáo):

+ Mô tả các thành phần môi trường;

+ Xác định tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường;

+ Nhận dạng đầy đủ các tác động, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp đánh giá nhanh (Áp dụng tại chương III của báo cáo): Trong quá trình đánh giá còn sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào số liệu phát thải của các chất khí, bụi, tiếng ồn do tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra. Kết quả của phương pháp này có độ tin cậy cao và là cơ sở để đánh giá sơ bộ các nguồn ô nhiễm cũng như các biện pháp giảm thiểu kèm theo.

- Phương pháp lấy mẫu, phân tích hiện trạng môi trường: Phương pháp này nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước mặt, không khí xung quanh tại khu vực dự án. Tập hợp các số liệu đã thu thập và lấy mẫu sau đó phân tích trong phòng thí nghiệm. Quá trình đo đạc, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm luôn tuân thủ các quy định của Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả phân tích, dự báo những tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc so sánh với các Quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành. Kết quả phân tích hiện trạng môi trường được thể hiện trong chương II của báo cáo và đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

- Phương pháp so sánh, đối chứng: Dùng để đánh giá hiện trạng và tác động trên cơ sở so sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép trong các QCVN, TCVN còn hiệu lực. Phương pháp này được sử dụng trong chương II, III của báo cáo, trên cơ sở kết quả phân tích, tính toán so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Phương pháp tham vấn cộng đồng: Tiến hành tham vấn, họp với lãnh đạo UBND xã nhằm thu thập thông tin kinh tế xã hội, vệ sinh môi trường khu vực dự án phục vụ cho báo cáo ĐTM tại mục 2.2. điều kiện kinh tế - xã hội tại Chương II và Chương V của báo cáo.

# 5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

# 5.1. Thông tin về dự án:

# *5.1.1. Thông tin chung*

- Tên dự án: “Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh”.

- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Trực Ninh;

- Người đại diện: Ông Phạm Trọng Duy; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

- Đại diện đơn vị quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trực Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Trực Ninh:

Ông Vũ Xuân Đạt; Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án.

- Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh.

# *5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất*

*\* Phạm vi*:

Dự án đầu tư Xây dựng khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh với diện tích 30.956,1 m2. Khu đất quy hoạch xây dựng dự án nằm tại phía Nam thôn Thượng Đồng Văn thuộc địa gới hành chính xã Trực Tuấn, dự án có các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp với khu dân cư xã;

- Phía Nam: giáp đường tỉnh lộ 488B;

- Phía Tây: giáp mương;

- Phía Đông: giáp ruộng.

***\* Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án:***

- Khu đất quy hoạch có tổng diện tích 30.956,1 m2, bao gồm đất canh tác nông nghiệp, đất mặt nước, đất giao thông.

Bảng 1: Hiện Trạng sử dụng đấ khu vực dự án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên loại đất** | **Diện tích (m2)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Đất canh tác nông nghiệp | 25.061 | 89,96 |
| 2 | Đất nước mặt, thủy lợi | 2.503,8 | 8,09 |
| 3 | Đất giao thông | 3.391,3 | 10,95 |
| **Tổng** | | **30.956,1** | **100** |

- Hiện tại hệ thống thoát nước trong khu vực xung quanh dự án hầu hết là hệ thống kênh mương phục vụ cho nông nghiệp. Dự án nằm trong khu vực có hệ thống kênh, sông nội đồng phục vụ tưới tiêu của xã chạy qua ở phía Bắc khu đất. Do đó hệ thống nước thải sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải của dự án được đổ ra sông Quýt nằm ở phía Bắc của dự án; Bên cạnh đó nước mưa từ hệ thống thu gom nước mưa của dự án cũng được đổ ra sông này.

***\* Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:***

- Dự án giáp Khu dân cư thôn Thượng Đồng Văn, xã Trực Tuấn về phía Bắc và Tây Bắc; Cách chùa Quýt, xã Trực Tuấn về phía Bắc; Cách nhà văn hóa thôn Thượng Đồng Văn 200m về phía Tây Bắc, Giáp đường tỉnh lộ 488B về phía Đông Nam và đường phục vụ nông nghiệp về phía Đông.

***\* Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án***

*(1). Mục tiêu của dự án:*

Hình thành khu dân cư văn minh hiện đại góp phần điều chỉnh dân cư, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân và nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

*(2). Quy mô dự án:*

Dự án có diện tích 30.956,1 m2 với quy mô thiết kế 118 lô nhà ở liền kề, lô nhỏ nhất là 76,6 m2, lô lớn nhất là 147,9 m2 dự kiến đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho khoảng 470 người. Trong đó có 2 loại lô điển hình có diện tích 100 m2 (Chiều dài 20 m, chiều rộng 5 m) và diện tích 90 m2 (chiều dài 15 m, chiều rộng 6 m); bao gồm các hạng mục chính: San nền, hệ thống giao thông, vỉa hè, đan rãnh, khuôn viên cây xanh, hệ thống đảm bảo giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống điện,...được thiết kế đồng bộ.

*(3). Loại hình dự án:*

Dự án thuộc nhóm C (thuộc loại hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật).

# *5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án*

***A. Cơ cấu quy hoạch***

Toàn bộ khu đất sau khi tách hành lang lưới điện (429,9 m2) được phân ra 4 chức năng sử dụng đất, bao gồm: Đất ở, đất hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông và đất cây xanh. Cụ thể:

- Đất ở: Được xác định là chức năng chính trong khu dân cư, tổng diện tích là 11.770,9 m2 được chia thành 118 lô nhà ở liền kề với các loại lô khác nhau phân theo diện tích.

- Đất cây xanh: Quy hoạch khuôn viên cây xanh với tổng diện tích là 2.325,2 m2 với 2 lô chính (Loại lô 1.710,2 m2 và 615 m2)

- Đất hạ tầng kỹ thuật: bao gồm đất nằm giữa các lô đất ở để bố trí hệ thống cống thoát nước thải sinh hoạt... Tổng diện tích là 2.071,4 m2.

- Đất giao thông: Quy hoạch các tuyến đường song song và vuông góc với các khu nhà và đường tỉnh lộ 488B hình thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh với tổng diện tích là 14.295,7 m2.

Bảng 2. Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại đất** | **Diện tích (m2)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Đất ở | 11.770,9 | 38,03 |
| 2 | Đất hạ tầng kỹ thuật | 2.071,4 | 6,69 |
| 3 | Đất cây xanh | 2.325,2 | 7,51 |
| 4 | Đất giao thông | 14.295,7 | 46,18 |
| 5 | Đất hành lang lưới điện | 492,9 | 1,59 |
| **Tổng** | | **30.956,1** | **100** |

*(Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh)*

*\* Quy hoạch chia lô chi tiết*

- Quy hoạch chia lô đất ở: Toàn khu dân cư dự kiến có 118 lô nhà ở liền kề chia làm 42 loại lô đất ở với các diện tích khác nhau, Trong đó có 2 loại lô điển hình có diện tích 100 m2 (chiều dài 20m, chiều rộng 5m) và diện tích 90 m2 (chiều dài 15m, chiều rộng 6m).

Bảng 3: Bảng thống kê chia lô ở quy hoạch và đất trồng cây xanh dự án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại lô** | **Số lô (lô)** | **Diện tích (m2)** |
| **A** | **Đất ở quy hoạch** | **118** | **11.770,9** |
| 1 | Loại 76,6m2 | 1 | 76,6 |
| 2 | Loại 76,7m2 | 2 | 76,7 |
| 3 | Loại 77,0m2 | 1 | 77,0 |
| 4 | Loại 77,6m2 | 1 | 77,6 |
| 5 | Loại 78,2m2 | 1 | 78,2 |
| 6 | Loại 78,8m2 | 1 | 78,8 |
| 7 | Loại 79,3m2 | 1 | 79,3 |
| 8 | Loại 79,6m2 | 1 | 79,6 |
| 9 | Loại 80,0m2 | 1 | 80,0 |
| 10 | Loại 80,3m2 | 1 | 80,3 |
| 11 | Loại 80,7m2 | 1 | 80,7 |
| 12 | Loại 81,0m2 | 1 | 81,0 |
| 13 | Loại 87,6m2 | 1 | 87,6 |
| 14 | Loại 90,0m2 | 17 | 90,0 |
| 15 | Loại 90,6m2 | 1 | 90,6 |
| 16 | Loại 91,0m2 | 1 | 91,0 |
| 17 | Loại 92,0m2 | 4 | 92,0 |
| 18 | Loại 94,3m2 | 1 | 94,3 |
| 19 | Loại 97,7m2 | 1 | 97,7 |
| 20 | Loại 98,2m2 | 1 | 98,2 |
| 21 | Loại 98,8m2 | 1 | 98,8 |
| 22 | Loại 100,0m2 | 57 | 100,0 |
| 23 | Loại 101,1m2 | 1 | 101,1 |
| 24 | Loại 104,5m2 | 1 | 104,5 |
| 25 | Loại 107,5m2 | 1 | 107,5 |
| 26 | Loại 109,3m2 | 1 | 109,3 |
| 27 | Loại 109,7m2 | 1 | 109,7 |
| 28 | Loại 110,2m2 | 2 | 110,2 |
| 29 | Loại 113,0m2 | 1 | 113,0 |
| 30 | Loại 115,0m2 | 1 | 115,0 |
| 31 | Loại 117,4m2 | 1 | 117,4 |
| 32 | Loại 133,0m2 | 1 | 133,0 |
| 33 | Loại 135,9m2 | 1 | 135,9 |
| 34 | Loại 136,3m2 | 1 | 136,3 |
| 35 | Loại 137,1m2 | 1 | 137,1 |
| 36 | Loại 138,5m2 | 1 | 138,5 |
| 37 | Loại 138,8m2 | 1 | 138,8 |
| 38 | Loại 138,9m2 | 1 | 138,9 |
| 39 | Loại 143,4m2 | 1 | 143,4 |
| 40 | Loại 144,5m2 | 1 | 144,5 |
| 41 | Loại 147,9m2 | 1 | 147,9 |
| **B** | **Đất cây xanh** | 1 | **2.325,2** |
| 1 | Loại lô 1.710,2m2 | 1 | 1.710,2 |
| 2 | Loại lô 615,0m2 | 1 | 615,0 |

*(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh tỷ lệ 1/500).*

***B. Giải pháp thiết kế quy hoạch khu dân cư***

***a. Mục tiêu***

*-* Tạo dựng hình ảnh về khu dân cư tập trung hiện đại, văn minh biểu trưng cho xã Trực Tuấn.

- Liên kết hài hòa với toàn thể không gian khu vực xung quanh, tạo dựng cảnh quan cho từng ô phố, từng trục đường và tổng thể khu dân cư tập trung.

***b. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan***

+ Xác định công trình phù hợp với chức năng sử dụng đất. Đề xuất mô hình cụ thể và giải pháp đối với các khu xây dựng cụ thể.

+ Tổ chức không gian khu dân cư tập trung với nguyên tắc hài hòa giữa các khu chức năng và hài hòa với khu vực xung quanh, đồng thời đảm bảo việc kết nối về hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thoát nước, cấp nước...), cụ thể:

+ Các khu chức năng chính để tổ chức không gian khu dân cư tập trung bao gồm: Khu ở, khu cây xanh.

Khu ở: Khu nhà ở được bố trí liên kết với nhau thông qua các trục giao thông dọc ngang hình ô bàn cờ tạo được sự đa dạng về cảnh quan đô thị. Đây là vị trí có không gian yên tĩnh, là nợi quy hoạch đất xây dựng các công trình nhà ở.

Khu cây xanh: Quy hoạch khu cây xanh tập trung tại trung tâm của khu đất, phục vụ đồng đều nhất cho các hộ dân cư, vừa tạo cảnh quan cho toàn khu, vừa là giải pháp điều hoà khí hậu khu vực .

+ Vỉa hè, đèn chiếu sáng, cây xanh và các tiện ích trong khu ở được thiết kế mới đồng bộ, có đặc trưng riêng, hiện đại và thân thiện môi trường, đáp ứng tốt nhất cho các đối tượng người đi bộ, đặc biệt là người già, trẻ em, người tàn tật.

+ Các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, đảm bảo tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, nhằm đảm bảo tiết kiệm đất và đảm bảo các quy định về tổ chức không gian, tầm nhìn.

***c. Các chỉ tiêu, quy định về thiết kế xây dựng, thiết kế đô thị trong khu dân cư tập trung.***

- Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”; một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính như sau:

**Bảng 4: Bảng dự báo các chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật chính của dự án.**

| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Chỉ tiêu dự báo** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Dân số** |  |  |
|  | Dân số trong khu vực thiết kế | Người | 470 |
| **II** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** |  |  |
| a | Đất ở | m2/người | ≥ 25 |
| b | Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật | m2/người | ≥ 5 |
| c | Đất cây xanh | m2/người | ≥ 2 |
| **III** | **Hạ tầng kỹ thuật** |  |  |
| a | Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt | L/ng/ng.đ | 100 |
| b | Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt | W/người | 150 |
| c | Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt | Nước SH | 80% |
| d | Lượng rác thải sinh hoạt | kg/ng,ngđ | 0,8 |

*(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh tỷ lệ 1/500).*

*\*Quy định về thiết kế xây dựng, thiết kế đô thị trong khu dân cư*

- Về mật độ xây dựng

+ Khu vực mật độ xây dựng cao: là khu vực xây dựng các dãy nhà ở liền kề, mật độ xây dựng từ 80%-100%.

+ Khu vực mật độ xây dựng thấp: là khu cây xanh mật độ xây dựng là 5%.

Mật độ xây dựng cụ thể đối với từng lô đất tuân thủ theo bản đồ quy hoạch chia lô QH-04.

- Về tầng cao, cốt xây dựng công trình, quy định ô văng ban công

+ Tầng cao xây dựng tối đa của các dãy nhà ở liền kề là 5 tầng, tầng cao tối thiểu là 1 tầng.

- Cốt xây dựng:

+ Đối với các công trình nhà ở: cao độ nền so với vỉa hè là +0,3 m; tầng 1 cao 3,9 m; tầng 2 và tầng 3 cao 3,6 m; các tầng còn lại cao 3,3 m.

+ Các công trình còn lại tùy theo tính chất để xây dựng.

+ Ô văng ban công: Ô văng cao 0,9m và đua ra so chỉ giới đường đỏ tối đa 1,2 m.

- Màu sắc công trình: được quy định chung cho toàn dãy nhà ở, các công trình cùng dãy nhà ở sẽ được sơn hoặc sử dụng vật liệu cùng màu sắc hoặc nhóm màu sắc và hài hòa với màu sắc của dãy nhà ở khác.

\* Quy định về hệ thống giao thông

- Quy hoạch hệ thống các trục đường phân chia khu đất theo dạng ô cờ (gồm 02 trục dọc và 03 trục ngang), phân chia các khu chức năng đồng thời tạo hướng kết nối với Tỉnh lộ 488B. Trong đó:

+ Quy hoạch trục kết nối từ Tỉnh lộ 488B vào trong khu dân cư, quy mô mặt cắt 19m (5+9+5).

+ Quy hoạch 03 trục giao thông theo hướng Đông Bắc – Tây Nam. Quy mô mặt cắt các trục giao thông là 15-16m (4(5)+7+4).

+ Quy hoạch 01 trục giao thông theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Quy mô các trục đường này là 15m (4+7+4).

+ Quy hoạch đường tăng giảm tốc vào Tỉnh lộ 488B. Quy mô là 4m (3,5+0,5).

- Cao độ thiết kế tim các tuyến đường: +2,10.

**Bảng 5: Bảng thống kê hệ thống giao thông.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đường** | **Đơn vị** | **Chiều dài** | **Mặt cắt (hè - đường - hè)** |
| 1 | Đường N1 | m | 263,4 | 4 + 7 + 4 |
| m | 28,9 | 5 + 7 + 4 |
| 2 | Đường N2 | m | 155,1 | 4 + 7 + 4 |
| 3 | Đường N3 | m | 237,6 | 4 + 7 + 4 |
| 4 | Đường D1 | m | 84,5 | 5 + 9 + 5 |
| 5 | Đường D2 | m | 134,6 | 4 + 7 + 4 |
| 6 | Làn tăng, giảm tốc TL488B | m | 152.2 | 3,5 + 0,5 |
| n | 70 | Đoạn nêm vuốt vào TL488B |

*(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh).*

\* Về công trình thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa dọc trên hè thiết kế cống xây với tiết diện cống là B500, đỉnh cống cách mặt hè trung bình 20 cm, đỉnh nắp ga bằng mặt hè, các đoạn qua đường dùng cống tròn D500, D600, D800, D1000, cống hộp BTCT BCL800 các ga thu nước đặt với khoảng cách trung bình 30 m, hướng thoát nước của khu đất quy hoạch thoát ra sông Quýt phía Bắc khu đất quy hoạch.

**Bảng 6: Bảng thống kê hệ thống thoát nước mưa của dựa án.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vật liệu** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Cống xây thoát nước B500 | m | 1.117 |
| 2 | Cống tròn D500 | m | 124 |
| 3 | Cống tròn D600 | m | 48 |
| 4 | Cống tròn D800 | m | 15 |
| 5 | Cống tròn D1000 | m | 58 |
| 6 | Cống hộp chịu lực BCL800 | m | 12 |
| 7 | Ga thu nước | cái | 50 |
| 8 | Cửa xả | cửa | 01 |

*(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh)**.*

*\*Về hệ thống cấp điện và nước của dự án*

*a) Đối với hệ thống cấp điện*

- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt tối thiểu 150 W/người. Lựa chọn chỉ tiêu cấp điện 3 kW/hộ (tương đương với chỉ tiêu cấp điện khu đô thị và phù hợp với thực tế sử dụng điện hiện nay).

- Nguồn điện cấp cho khu đất quy hoạch được đấu nối từ cột đấu (dự kiến từ cột của ĐZK 22 kV gần TBA Trực Tuấn 8 - phía Bắc khu đất).

- Xây dựng đoạn tuyến nhánh rẽ ĐZK 22 kV từ cột đấu (dự kiến từ cột của ĐZK 22 kV gần TBA Trực Tuấn 8 - phía Bắc khu đất) đến trạm biến áp 400 kVA-22/0,4kV.

+ Xây dựng mới TBA cấp nguồn điện sinh hoạt cho khu quy hoạch, công suất 400kVA-22/0,4kV.

+ Xây dựng hệ thống cấp điện sinh hoạt 0,4 kV sau trạm biến áp 400 kVA-22/0,4kV để cấp điện cho khu dân cư.

**Bảng 7: Bảng phụ tải điện của dự án.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục** | **Quy mô** | **Chỉ tiêu cấp điện** | **Phụ tải điện**  **(kW)** | **Phụ tải tính toán với Kđt=0,7** | |
| **kW** | **KVA** |
| 1 | Đất khu ở | 118 hộ | 3KW/hộ | 354 | 247,80 | 309,75 |
| 2 | Đất cây xanh | 2325,2 m2 | 0,5W/m2 | 1.16 | 0.81 | 1.02 |
| 3 | Đất giao thông | 14.295,7 m2 | 1,0W/m2 | 14.30 | 10,01 | 12.51 |
| **Tổng cộng** | | | | | **258,62** | **323,28** |

*b) Đối với hệ thống cấp nước*

Chỉ tiêu cấp nước tối thiểu theo QCVN 01:2021 là ≥ 60 lít/người/ngày đêm. Lựa chọn chỉ tiêu cấp nước 100 lít/ng/ngày đêm đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn cấp nước tương đương với khu đô thị.

- Nguồn nước sạch cấp cho khu đất quy hoạch lấy từ nhà máy nước thị trấn Cát Thành, đấu nối cấp nước cho khu đất với tuyến ống cấp nước sạch D110 trên Tỉnh lộ 488B.

- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch dọc trên hè các trục đường, đường ống phân phối chính D110, các tuyến ống dịch vụ có đường kính D50, D63. Độ sâu đặt ống trung bình 0,8-1m (tính đến đỉnh ống). Tại các góc chuyển và trị trí van, tê, cút có bố trí gối đỡ BTCT.

- Mạng cấp nước chữa cháy: quy hoạch chung với mạng cấp nước sinh hoạt. Theo bảng 9 tiêu chuẩn TCVN 2622-78. Tuân thủ theo Luật phòng cháy và các quy định hiện hành về phòng cháy – chữa cháy.

*\* Hoạt động của dự án:*

Dự án sau khi được lấp đầy sẽ hoạt động với tiêu chí đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân và đảm bảo chất lượng về môi trường sống cũng như nhu cầu sinh hoạt cho người dân một cách tốt nhất.

Khi dự án đi vào hoạt động: Chủ yếu là hoạt động sinh hoạt của người dân: phát sinh nước thải, khí thải, chất thải rắn, CTNH,... hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại phát sinh bụi, khí thải,...

Rác thải sinh hoạt của khu dân cư sẽ được đội thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển về khu xử lý rác theo quy định. Dự án sẽ được bố trí khu cây xanh dọc theo tuyến đường giao thông góp phần cải thiện môi trường sống trong lành, tạo không gian hài hoà và thân thiện.

*\* Lán trại công nhân*

Bố trí 01 lán trại có diện tích 100 m2 cho công nhân ở tại công trường thi công dự án. Đây là hạng mục chiếm dụng tạm thời và sẽ được tháo dỡ sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

*\* Vị trí đổ thải*

Theo khoản 1, điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì đất thải từ bóc tách tầng đất mặt phải sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Do đó tầng đất mặt bóc tách sẽ được tận dụng để san lấp khu đất cây xanh trong khuôn viên dự án. Phần dư còn lại chủ dự án sẽ làm việc với UBND xã Trực Tuấn thống nhất vận chuyển đến khu vực để sử dụng cho mục đích sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo đúng quy định.

*\* Khu vực tập kết chất thải rắn:*

- Tuyên truyền vận động các hộ trong khu dân cư phân loại rác thải tại nguồn.

- Chất thải rắn sinh hoạt trong khu dân cư tập trung được thu gom bởi đơn vị chức năng. Chất thải cần được phân loại tại nguồn thành 3 loại: Chất thải thực phẩm, chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế và CTR sinh hoạt khác. Chất thải rắn sinh hoạt được tổ thu gom tận nơi với tần suất 3 lần/tuần, sau đó vận chuyển đến bãi tập kết và xử lý rác thải

***C. Các hoạt động của dự án:***

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bóc tách tầng đất mặt

+ San lấp mặt bằng

+ Tiến hành thi công hạ tầng kỹ thuật: Thi công cơ sở hạ tầng chính, hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống bể xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng,..

- Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

+ Sau khi giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng xong chủ dự án sẽ tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.

+ Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND xã Trực Tuấn quản lý về địa giới hành chính và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,… các công việc này được thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

***\* Các yếu tố nhạy cảm về môi trường***

Theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường dự án “Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh’’ yếu tố nhạy cảm là có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích khoảng 23.201,85 m2.

# 5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường.

Bảng 8: Hoạt động của dự án và các tác động tiêu cực đến môi trường.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn hoạt động** | **Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án** | **Cách thức thực hiện** | **Các tác động xấu đến môi trường** |
| Giai đoạn xây dựng | - Hoạt động bóc tách tầng đất mặt.  - San lấp mặt bằng.  - Vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị.  - Xây dựng các hạng mục công trình: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, hồ nước, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng vv,… | - Sử dụng máy móc, thiết bị để bóc tách tầng đất mặt.  - Bơm, đổ cát vào khu vực dự án.  - Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.  - Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động. | - Bụi, khí thải.  - Nước thải sinh hoạt.  - Chất thải rắn.  - CTNH.  - Tiếng ồn.  - Các vấn đề xã hội khác. |
| Giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng | - Chủ dự án tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.  - Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND xã Văn Lãng Nam quản lý và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường, …các công việc này được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước. | - Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.  - Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động.  - Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư. | - Chất thải rắn và CTNH.  - Bụi, khí thải.  - Nước thải.  - Tiếng ồn. |

**5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án.**

# *5.3.1.Giai đoạn thi công xây dựng Dự án*

*\* Bụi và khí thải:*

**- Bụi:** Phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng chủ yếu từ hoạt động chặt phá cây cối, phát quang thảm thực vật; bóc tách tầng đất mặt; san lấp mặt bằng (ước tính khoảng 7,02 kg/ngày trong thời gian san lấp); Hoạt động bốc dỡ, đảo trộn, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển (ước tính khoảng 5.022,3 kg/quá trình vận chuyển) với thành phần ô nhiễm chủ yếu là: bụi đất, bụi đá, bụi cát,…

- **Khí thải**: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động đốt năng lượng dầu máy DO của các phương tiện cơ giới, phương tiện vận tải tại công trường xây dựng. Bên cạnh đó có thể phát sinh từ sự phân hủy chất thải sinh hoạt của công nhân trên công trường.

+ Khí thải phát sinh từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: khí SO2, COx, NOx, VOC...

+ Khí thải phát sinh do hoạt động thi công phun, rải nhựa đường và bê tông nhựa có phát sinh khí thải và nhiệt dư. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là hơi dầu, hắc ín, CO, H2S....

+ Khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH4, NH3, H2S,...Giai đoạn hoạt động.

*\* Nước thải:*

**- Nước thải từ hoạt động xây dựng:** Phát sinh chủ yếu là nước thải từ công đoạn rửa cát, đá xây dựng, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị tham gia thi công... Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải xây dựng là đất, cát xây dựng, dầu mỡ. Lượng phát sinh dự kiến khoảng 4 m3/ngày, trong đó lượng nước cấp phối đá dăm, cát đá phun ẩm giảm bụi là 2 m3/ngày; Lượng nước sử dụng rửa các thiết bị xây dựng, cơ giới là 2 m3/ngày.

- **Nước thải sinh hoạt**: Lượng nước cấp cho công nhân lao động khoảng 60 lit/người theo TCXDVN 13606:2023. Do đó lượng nước thải dự kiến phát sinh từ 30 công nhân thi công khoảng: 1,8 m3/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm chính là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD5, COD), các chất dinh dưỡng (NO3-­­, PO43-) và các vi sinh vật gây bệnh.

- **Nước mưa chảy tràn**: Lượng mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt dự án với lưu lượng khoảng: 55.721 m3/năm.

*\* Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt từ bề mặt đất trồng lúa nước 02 vụ:

Khối lượng đất hữu cơ từ quá trình bóc tách bề mặt đất trồng lúa 02 vụ (sau khi trừ diện tích cây xanh quy hoạch) khoảng 4.640,37m3 trong đó 654,22 m3 được tận dụng trồng cây khuôn viên và 3.986,15 m3 đất thải được di chuyển đến nơi tập kết.

- **Chất thải rắn sinh hoạt**: Của 30 công nhân tham gia thi công chủ yếu là giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...khoảng 12 kg/ngày.

+ **Chất thải rắn xây dựng** thông thường phát sinh dự kiến khoảng 67,01 tấn. Thành phần gồm: đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ côtpha, chất thải từ hoạt động phát quang...

- **Chất thải nguy hại:** tổng khối lượng phát sinh khoảng 627,2 kg trong đó bao gồm 10 kg giẻ lau dầu mỡ thải phát sinh, 512,6 kg vỏ thùng sơn sùng cho kẻ vạch đường, 8,6 kg que hàn thải và 96 kg bao bì cứng thải bằng kim loại (Thùng nhựa đường)...

\* Khối lượng đất lúa bề mặt được bóc tách khoảng 4.640,37 m3

*\* Tiếng ồn, độ rung:*

- Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện GTVT, máy bơm nước, máy nổ,...

- Độ rung từ máy đóng cọc, máy cắt kim loại,...quá trình trộn bê tông.

Tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

*\* Các tác động khác:*

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

# *5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án*

*\* Bụi và khí thải:*

Giai đoạn vận hành dự án dự kiến đáp ứng nhu cầu chỗ ở và sinh hoạt cho 470 người. Bụi và khí thải có thể phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cư dân và các hoạt động giao thông vận tải.

- Từ hoạt động nấu ăn: Khi đốt cháy khí gas sản sinh ra NOx, SO2, CO có nồng độ thấp.

- Từ các hoạt động giao thông vận tải: Khí thải phát sinh có thành phần chính bao gồm: NOx, SO2, COx, hyđrocacbon,…

- Từ khu lưu giữ chất thải tạm thời, khu xử lý nước thải tập trung: Thành phần hơi mùi, khí thải gồm CH4, NH3, H2S...phát sinh từ sự phân huỷ các chất hữu cơ trong chất thải, nước thải.

- Từ lượng khí thải, mùi hôi sinh ra từ các nguồn khác như khu vực nhà vệ sinh, khu vực bếp từ các hộ gia đình và các công trình công cộng trong khu dân cư… Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

*\* Nước thải:*

- **Nước thải sinh hoạt** phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư: khoảng 47 m3/ngày đêm. Thành phần chứa các chất ô nhiễm chủ yếu ở dạng hữu cơ như: COD, BOD5, Nitơ, phốt pho, hàm lượng cặn lơ lửng (SS) cao và một số loại vi sinh vật.

- **Nước mưa chảy tràn:** Lượng nước mưa chảy tràn trên về mặt dự án với lưu lượng khoảng 51.535,62 m3/năm. Nước mưa chảy tràn nếu không được thu gom xử lý có thể gây ô nhiễm nước mặt, gây tắc nghẽn cống thoát nước do đặc thủ TDS cao của loại nước thải này.

*\* Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- **Chất thải rắn sinh hoạt**: Theo QCVN 01:2021/BXD về quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng thì áp dụng định mức 0,8 kg rác thải sinh hoạt/người thì số lượng rác thải sinh hoạt khu dân cư dự kiến khoảng: 376 kg/ngày. Rác thải công cộng khoảng 37,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rác thải hữu cơ và vô cơ.

- **Chất thải rắn từ bể xử lý nước thải tập trung**: Phát sinh bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 48 m3/ngày đêm khoảng 1,25 kg/ngày, tương đương với 7,46 tấn/năm.

**- Chất thải nguy hại:** Chất thải nguy hại khoảng 0,38 kg/ngày. Thành phần CTNH chủ yếu gồm: pin thải, bóng đèn huỳnh quang thải, đồ điện tử hỏng,...

*\* Tiếng ồn, độ rung:*

Nguồn gây tiếng ồn và độ rung chủ yếu từ hoạt động của người dân trong khu dân cư phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu hành trong khu vực và các vùng lân cận*.*

*\* Các tác động khác:*

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: cháy nổ, chập điện do sử dụng bếp gas, bếp điện, đốt vàng mã, máy phát điện.. và các hoạt động của cư dân.

Sự cố thiên tai như lũ lụt, giông lốc làm hư hỏng nhà cửa, hệ thống cấp điện… Sự cố hệ thống xử lý nước thải của khu dân cư như đường ống bị nứt hoặc vỡ, khối lượng nước thải tăng đột ngột dẫn nước không được xử lý kịp thời…

# 5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án giai đoạn thi công:

Chủ dự án sẽ phối hợp với các đơn vị thi công áp dụng các biện pháp giảm thiểu các tác động cũng như áp dụng các biện pháp an toàn trong quá trình thi công nhằm hạn chế tới mức tối đa các tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra trong quá trình thi công. Không chở quá quy định, chạy đúng làn giao thông vận chuyển cho phép. Không sử dụng các phương tiện thi công cơ giới không đảm các tiêu chuẩn về môi trường. Không thi công vào thời gian từ 22h-6h và từ 11h30-13h30 để tránh ảnh hưởng tiếng ồn đến khu dân cư,... Đảm bảo công nhân được tập huấn an toàn lao động, chập hành nội quy và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

# 5*.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

1. *Đối với nước thải sinh hoạt*

Chủ dự án sẽ lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động (3 m3/bể/nhà vệ sinh) cách khu vực lán trại khoảng 200 m. Chất thải từ nhà vệ sinh di động được chủ dự án thuê định kỳ đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom và xử lý với tần suất 2 ngày/lần.

Thông số kỹ thuật của nhà vệ sinh di động như sau:

+ Dài x Rộng x Cao = 900 x 1300 x 2500 (mm)

+ Vật liệu: dạng nhà container

+ Bể dự trữ nước: 400 lít, bồn nước inox.

+ Bể tự hoại đúc sẵn bằng composite dày 6mm: 500 x 1.200 x 1.500 (mm)

* Nước thải thi công và nước thải rửa xe:

Thành phần chủ yếu của nước thải thi công và rửa xe là đất, cát, chất thải rắn

lơ lửng,… do đó được thu gom bể lắng bùn cát và bể tách váng dầu và quy trình công nghệ xử lý như sau:

Nước thải rửa xe → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể lắng cặn → Bể chứa nước sau xử lý.

Chủ dự án sẽ khai thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và đào rãnh thu gom nước xung quanh chân công trình để thoát nước. Nước thải sau thu gom sẽ chảy qua hố ga lắng cặn mỗi hố ga có kích thước (1,5x1,5x1)m, thể tích khoảng 2,25 m3 và thường xuyên nạo vét cặn lắng trong hố ga.

1. *Nước mưa chảy tràn*

+ Tiến hành thi công cuốn chiếu, thi công đến đâu gọn đến đấy.

+ Các phương tiện hoạt động thi công khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu một phần sẽ được đưa tới các gara chuyên nghiệp để xử lý các vấn đề liên quan đến kỹ thuật.

+ Hạn chế thay dầu, sửa chữa tại khu vực để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi các loại dầu máy có chứa thành phần độc hại ra môi trường.

+ Vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải, không để rò rỉ xăng dầu nhằm giảm thiểu sự xâm nhập của các tác nhân ô nhiễm đến nước mưa chảy tràn.

Chủ dự án sẽ tiến hành che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn; Đào rãnh tiêu thoát nước kịp thời, tránh hiện tượng ngập úng cục bộ.

# *5.4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

*a) Đối với chất thải rắn*

- Chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 02 thùng rác (thể tích 100 lít/thùng) tại khu vực dự án để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải địa phương hàng ngày tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung của xã theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang cây, thảm thực vật.

+ Chỉ được chặt cây, phát quang thực vật trong phạm vi dự án.

+ Các loại chất thải cành, lá cây được thu gom, không đổ xuống sông, kênh, mương xung quanh khu vực dự án. Tuyệt đối không đổ thải bừa bãi ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực và gây tai nạn cũng như cản trở người tham gia giao thông trong khu vực và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải địa phương hàng ngày tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung của xã theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Chủ dự án sẽ quy hoạch vị trí tập kết phù hợp, thuận tiện trong quá trình vận chuyển và không ảnh hưởng đến quá trình thi công xây dựng đồng thời giám sát nhà thầu thực hiện. Xây dựng kế hoạch vận chuyển hợp lí và hợp đồng xử lý chất thải xây dựng.

*b) Biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại*

- Đối với chất thải nguy hại: Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau: Chủ dự án sẽ bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5 m2 gần khu vực tập kết vật liệu xây dựng trong khu vực dự án; trong kho bố trí 04 thùng chứa có nắp đậy (thể tích 50 lít/thùng). Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT

*c) Đối với đất bóc tách bề mặt đất trồng lúc 2 vụ*

- Khối lượng bóc tách bề mặt đất trồng lúa 02 vụ (sau khi đã trừ diện tích trồng cây xanh) 4.670,37 m3. Trong đó khối lượng san lấp khu vực trồng cây xanh của dự án được tận dụng 654,22 m3 đất bóc tách đất lúa 02 vụ. Phần khối lượng đất bóc tách từ bề mặt đất trồng lúa 02 vụ dư 3.986,15 m3 sẽ được vận chuyển ra khỏi khuôn viên dự án đến khu vực đất trồng lúa trũng thấp nhất thuộc thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh hoàn trả.

# *5.4.3. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải*

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Chỉ được chặt cây, phát quang thực vật trong phạm vi diện tích giải tỏa.

- Sử dụng tôn cao 2m để che khu vực xây dựng gần phía khu dân cư, đường để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thường xuyên phun ẩm khu vực xây dựng để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đảm bảo quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, hạn chế chất thải rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Trước khi san lấp đơn vị thi công sẽ sử dụng máy xúc để đào đất ruộng trong phạm vi khu vực dự án, tiến hành đắp bờ ngăn xung quanh với chiều cao tối thiểu là 1,5 m để nước thải không chảy tràn ra môi trường ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án. Sau khi kết thúc thi công hạng mục san nền, khối lượng đất đắp bờ sẽ được sử dụng để trồng cây xanh trong dự án.

- Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án.

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình rải bê tông nhựa và quá trình sơn kẻ nhiệt đường: Trang bị ủng, găng tay, quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang…cho công nhân khi rải bê tông nhựa và sơn kẻ nhiệt đường để tránh ảnh hưởng bởi nhiệt, khí và tai nạn lao động có thể xảy ra. Không rải bê tông nhựa khi có gió to, trời mưa nhằm giảm thiểu hơi mùi nhựa nóng phát sinh.

# *5.4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác*

* *Tiếng ồn, độ rung*

Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng. Bố trí thời gian làm việc của các máy móc gây ồn rung để tránh cộng hưởng gây ảnh hưởng đến công nhân và khu vực xung quanh dự án.

* Các biện pháp khác

- Về giải phóng mặt bằng: Phối hợp chặt chẽ với ban giải phóng mặt bằng địa phương, chính quyền và nhân dân có đất bị thu hồi để thống kê chính xác diện tích đất bị thu hồi của từng hộ dân. Việc thống kê chi tiết, chính xác sẽ giúp công tác đền bù, hỗ trợ đúng và đủ;

- Về an toàn giao thông: Chủ đầu tư đặt các biển báo, Bố trí người điều khiển giao thông điều tiết các phương tiện vận tải ra vào dự án hợp lý, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện vận tải cùng lúc.

- Về giảm thiểu ảnh hưởng đến khu dân cư gần dự án:

+ Bố trí tường chắn bằng tôn cao 2,5m xung quanh khu vực thi công đoạn tiếp giáp với khu dân cư để giảm thiểu ảnh hưởng của hoạt động thi công đến môi trường xung quanh;

+ Trong quá trình thi công thường xuyên phun tưới nước ngăn chặn sự phát tán của bụi ra môi trường xung quanh.

+ Quá trình thi công sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại có độ ồn thấp, có lắp bộ phận giảm ồn, giảm rung động.

- Về biện pháp phòng chống cháy nổ.

+ Trang bị các loại máy bơm chữa cháy di động, các bình khí chữa cháy như bình khí CO2 tại khu vực thi công đặc biệt khu vực có khả năng cháy cao như khu vực lưu trữ xăng dầu dự phòng;

+ Công nhân làm việc tại công trường trực tiếp được tập huấn, hướng dẫn các biện pháp phòng chống cháy nổ;

+ Các loại nhiên liệu dễ cháy phải được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tranh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

+ Ban hành nội quy cấm công nhân không được hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực gây cháy.

- Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và giảm thiểu ảnh hưởng đến người tham gia giao thông.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương thông báo trên loa phát thanh về hoạt động thi công dự án, đặc biệt chú ý người dân hạn chế đi lại tại các vị trí nêu trên.

+ Vào ban đêm, bố trí cắm đèn tín hiệu cảnh báo ATGT, chăng dây PVC mỏng 2 màu trắng đỏ để đảm bảo an toàn, cảnh báo người đi lại.

+ Tổ chức cắm các biển báo như biển công trường đang thi công, biển giới hạn tốc độ qua khu vực công trường thi công 5 km/h để đảm bảo an toàn cho người dân đi lại.

- Biện pháp giảm thiểu tác động tại khu vực đổ thải, đường vào bãi đổ thải

+ Xe vận chuyển phải được trang bị đầy đủ các thiết bị khi vận chuyển các loại bùn nhão, tránh để vương vãi ra đường;

+ Sử dụng phương tiện vận chuyển chuyên dụng để vận chuyển;

+ Các phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải theo quy định của xe và của tuyến đường vận chuyển.

# 5.5. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án giai đoạn vận hành.

# *5.5.1. Các công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải.*

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của dự án về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 48 m3/ngày.đêm và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra sông Quýt bằng ống tròn BTCT tại 1 cửa xả có tọa độ: Xm=2243989.96; Ym=580155.55 (Hệ tọa độ VN2000).

- Dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại 1 cửa xả có tọa độ: Xm = 2243970.29; Ym = 580156.69 (Hệ tọa độ VN2000).

Xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trong khu đất quy hoạch. Cống thoát nước thải phía sau các lô đất là cống xây B300, các đoạn cống qua đường dùng cống tròn BTCT đường kính D400. Nước thải được thu gom, dẫn thoát về bể xử lý nước thải bố trí trong khu cây xanh tập trung, công suất bể xử lý 48 m3/ngđ. Sau khi qua bể xử lý, nước được dẫn thoát sông Quýt phía Bắc khu đất.

Quy trình xử lý nước thải của hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung như sau:

Nước thải sinh hoạt🡪 Ngăn chứa nước (01 ngăn)🡪 Ngăn yếm khí (01 ngăn) 🡪 Ngăn lắng (01 ngăn) 🡪 Ngăn lọc (01ngăn) 🡪 Ngăn khử trùng (01 ngăn) 🡪Hố ga (nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B))🡪cống BTCT D400🡪 Nước thải chảy ra sông Quýt phía Bắc khu đất.

# *5.5.2. Các công trình, biện pháp thu gom xử lý khí thải.*

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông: trồng và chăm sóc cây xanh dọc các tuyến đường giao thông; Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông: Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu để phân luồng giao thông. Xe lưu hành đúng tải trọng và đi đúng các tuyến đường quy định. Đảm bảo vệ sinh đường sạch sẽ, tưới đường thường xuyên, trên tất cả các tuyến đường, đặc biệt vào thời điểm khô hanh.

- Biện pháp giảm thiểu hơi mùi từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Bể xử lý được xây ngầm trong khuôn viên khu đất cây xanh, các ngăn xử lý thiết kế có nắp đậy bằng bê tông cốt thép để giảm thiểu phát sinh hơi mùi.

- Trồng cây xanh với diện tích khoảng 2.325,2 m2 chiếm 7,51 % diện tích đất quy hoạch.

- Để giảm thiểu bụi trong giai đoạn xây dựng nhà ở, các hộ dân thực hiện các biện pháp sau: Sử dụng bạt che chắn khu vực chứa vật liệu xây dựng và tưới nước tạo độ ẩm của vật liệu; các phương tiện vận chuyển phải chở đúng trọng tải và có bạt che chắn.

# *5.5.3. Các công trình, biện pháp thu gom xử lý chất thải rắn, CTNH*

- Đối với chất thải rắn thông thường: UBND xã Trực Tuấn thống nhất nội quy quản lý rác thải với toàn bộ các hộ dân trong khu, chịu trách nhiệm xử lý rác thải công cộng phát sinh tại khu vực cây xanh, đường nội bộ và bể xử lý nước thải tập trung.

- Rác thải sinh hoạt của từng hộ dân sẽ được đội thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển rác về khu xử lý rác thải tập trung của xã để xử lý bằng lò đốt.

- Đối với bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: được lưu giữ trong các ngăn xử lý và định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn là vật liệu lọc thải (đá, cát vàng hạt to, than hoạt tính) từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt: căn cứ vào khả năng hấp phụ của vật liệu lọc để thay thế phù hợp. Định kỳ 1 lần/năm vật liệu lọc thải sẽ được thay thế và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Thực hiện thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định tại Khoản 4, Điều 75, Luật BVMT năm 2020, trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải nguy hại: UBND xã Trực Tuấn sẽ đưa ra các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích người dân phân loại rác tại nguồn (để thu gom riêng). Trong trường hợp chất thải nguy hại lẫn với chất thải rắn thông thường, thì đội thu gom rác của xã sẽ tiến hành phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

# *5.5.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.*

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

*a) Sự cố cháy nổ, chập điện:*

- Trong các khu nhà, cháy nổ có thể do mạng lưới cung cấp và truyền dẫn điện, do bất cẩn, do rò rỉ khí gas. Để đảm bảo an toàn các khu nhà sẽ có hệ thống PCCC riêng, sử dụng hệ thống chữa cháy ngoài nhà với xe cứu hoả và các họng chữa cháy lấy nước từ hệ thống cấp nước trên hè đường, trong khu dân cư bố trí 6 trụ nước cứ hỏa phục vụ công tác chữa cháy khi cần thiết. Trong từng hộ gia đình có thể bố trí các bình bột cứu hoả tại các vị trí thuận tiện để thao tác.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy được bố trí phù hợp trong khu dân cư tập trung. Quy mô và thiết bị được bố trí đáp ứng các quy định của Nhà nước về an toàn phòng cháy và được Công an tỉnh Nam Định – phòng Cảnh sát PCCC&CNCH ra công văn góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở số 71/CV-PCCC&CNCH ngày 27/09/2023.

- Mặt bằng được bố trí bảo đảm các tiêu chuẩn phòng chống cháy. Tổ chức hệ thống giao thông nội bộ hợp lý tuân theo các quy định, đảm bảo thoát người và tài sản ra khỏi khu vực nhanh chóng.

- Các trụ và họng cứu hỏa lấy nước từ hệ thống cấp nước sinh hoạt, vị trí được bố trí đều dọc đường xe chạy, đảm bảo khoảng cách đến mép đường không lớn hơn 2,5 m, khoảng cách đến tường tòa nhà không nhỏ hơn 1 m và họng lớn của trụ quay ra phía lòng đường.

- Tuyên truyền cho các hộ gia đình chỉ sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt khi đã được kiểm định như máy nén khí, bình chứa gas, thang máy,...

- Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, kiểm tra sự an toàn về điện như: Khả năng rò rỉ, chập mạch, điện áp không ổn định, đặc biệt là các đường điện đi trong ống nhựa PVC, các thiết bị máy móc đều được tiếp địa thật an toàn.

- Khi phát hiện rò, rỉ khí gas cần thực hiện những biện pháp xử lý sau: Tuyệt đối không làm phát sinh tia lửa như: Bật/tắt công tắc điện, quạt điện, sử dụng điện thoại di động. Ngay lập tức khóa van cấp gas; Mở thông thoáng các cửa, dùng quạt thủ công để làm phát tán khí gas. Nếu thấy chỗ rò, rỉ thì dùng vải ướt quấn quanh chỗ rò, rỉ hoặc dùng xà phòng bánh để bịt lỗ rò, rỉ tạm thời; Nếu xảy ra sự cố khi đang sử dụng phải dùng chăn ướt phủ lên bếp hoặc bình cho tắt lửa hoặc dùng bình chữa cháy phun dập tắt đám cháy; Báo ngay cho nhà cung cấp đến xử lý.

- Hàng năm tổ chức tập huấn và diễn tập phương án PCCC trong khu dân cư.

*b) Sự cố tai nạn giao thông:*

- Quy định tốc độ xe ra vào khu dân cư.

- Quy định trọng tải xe ra vào khu dân cư

- Tuyên truyền vận động người dân khi tham gia giao thông thực hiện nghiêm chỉnh và tuân thủ đúng luật lệ an toàn giao thông đường bộ.

*c) Sự cố thiên tai:*

- Để hạn chế thiệt hại do bão lũ có thể gây ra, UBND xã Trực Tuấn sẽ phối hợp với trưởng thôn của các khu dân cư lên kế hoạch phòng chống như sau:

+ Kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện.

+ Kiểm tra hệ thống cơ sở hạ tầng: hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, các hạng mục công trình; khơi thông cống rãnh….

+ Định kỳ nạo vét bùn cặn, rác thải trong hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước được khơi thông không bị ách tắc trước mỗi mùa mưa bão.

+ Nếu phát hiện hiện tượng bất thường xảy ra nhanh chóng báo với chính quyền địa phương để có phương án giải quyết kịp thời.

- Biện pháp phòng, chống sét:

+ Xây dựng hệ thống chống sét cho hệ thống cột điện trong khu dân cư, các trạm biến áp.

+ Yêu cầu các hộ gia đình, hộ kinh doanh đến sinh sống và làm việc trong khu dân cư phải xây dựng hệ thống chống sét.

Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Quá trình xây dựng, lắp đặt thiết bị của hệ thống bể xử lý nước thải phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của thiết kế.

- Vận hành thường xuyên hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống để phát hiện và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Hóa chất sử dụng đúng tỷ lệ quy định.

- Hệ thống bể xử lý nước thải phải thường xuyên được duy tu, kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

- Khi hệ thống bể xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, UBND xã sẽ cử cán bộ tiến hành kiểm tra hệ thống bể xử lý nước thải, tìm nguyên nhân có biện pháp khắc phục kịp thời. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

*d) Sự cố ngập úng:*

- Trường hợp mưa lớn kéo dài dẫn đến hệ thống thoát nước mưa trong khu dân cư không tiêu thoát kịp gây ứ đọng, ngập úng cục bộ. Căn cứ vào tình hình thực tế UBND xã sẽ có những biện pháp cụ thể như sau:

+ Khi có dự báo mưa to đến mưa rất to Ban phòng chống lụt, bão của UBND xã sẽ phối phối hợp với người dân trong khu dân cư xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng ngập để thông tin cảnh báo đến người dân biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống.

+ Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công trình cho người dân.

+ Bố trí máy bơm nước để hỗ trợ việc tiêu thoát nước cho khu vực bị ngập úng ngay khi hết mưa.

+ Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

# 5.6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

*a. Giai đoạn xây dựng*

*\* Không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần khu dân cư và mặt đường 488B (phía Bắc và phía Nam của dự án) tại khu vực xây dựng dự án.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, CO, SO2, NO2.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần. (trong quá trình xây dựng).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*b. Giai đoạn vận hành*

*\* Giám sát nước thải:*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu lấy tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra sông Quýt phía Bắc dự án.

Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra, pH; BOD5; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); tổng chất rắn hòa tan; sunfua; Amoni (tính theo N); Nitrat; Phốt phat (tính theo P); Dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; tổng Coliforms.

- Tần suất, quan trắc giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng hệ số K = 1 do khu dân cư có 118 hộ > 50 hộ).

- Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

*\* Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí giám sát: Khu vực thu gom, tập kết tạm thời CTR.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần CTR, biện pháp phân loại, thu gom CTR,...

- Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật BVMT 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

# 1. Kết luận.

Việc đầu tư xây dựng dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh phù hợp với chiến lược phát triển của địa phương. Bên cạnh đó dự án cũng mang lại hiệu quả xã hội to lớn cho tỉnh Nam Định.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án có các tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống, sức khoẻ của cộng đồng dân cư xung quanh. Để đảm bảo hoạt động của dự án không gây ô nhiễm môi trường, chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Trong nội dung báo cáo đã thể hiện đầy đủ môi trường nền khu vực thực hiện dự án, đánh giá được những tác động môi trường khi dự án được triển khai từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành tương ứng. Các phương pháp đề xuất giảm thiểu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính khả thi cần phải được áp dụng, cũng là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc giữ gìn môi trường trong sạch.

Những biện pháp xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn,...đề cập trong báo cáo hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, hiệu quả cao và chi phí xây dựng, lắp đặt vận hành phù hợp, những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng thể hiện trong báo cáo đảm bảo đạt được hiệu quả cao nhất khi dự án được triển khai.

# 2. Kiến nghị.

Kính đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để Dự án được triển khai xây dựng và đưa vào khai thác theo đúng tiến độ.

Chủ dự án đề nghị UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để dự án được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

# 3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là chính xác, đúng sự thật.

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và liên tục tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

- Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Cam kết thực hiện các biện pháp hiệu quả, khả thi để đảm bảo chất lượng môi trường và giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình xây dựng.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi.